CÔNG TY CP CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT – MŨI NÉ

BẢN TỰ CÔNG BỐ

NƯỚC CHẤM CHAY VIỆT

THÁNG 05/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
SỐ: 06/PTMN/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:
Tên tổ chức: CÔNG TY CP CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT- MŨI NÉ.
Địa chỉ: Lô 47- 48 Khu chế biến Nước mắm, P. Phú Hài, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, VN.
Điện thoại: 0252 3.813.156
Email: info@nuocmamphanthietmuine.com
Mã số doanh nghiệp: 3401108327
Số Giấy chứng nhận Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn HACCP: HA 202/2.18.03.
Ngày cấp: 31/8/2018
Nơi cấp: Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: NƯỚC CHẤM CHAY VIỆT

2. Thành phần:
- Thành phần chính (>98%): Nước cốt thơm, muối tinh, nước cốt đậu nành, đường phèn nước, nấm men.
- Thành phần khác (<2%): chất bảo quản (INS 211), phẩm màu (INS 110)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:
- 12 tháng, kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất (NSX), hạn sử dụng (HSD) được ghi trên nắp chai, nhãn hoặc trên chai và được ghi trên thùng giấy carton.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói:
- Nước chấm chay được chứa đựng trong chai thủy tinh có thể tích thực: 250 ml, 310 ml, 500ml, 520 ml, 730 ml
- Nước chấm chay được chứa đựng trong chai PET/can nhựa có thể tích thực: 250 ml, 330 ml, 500 ml,
750 ml, 900 ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít và các can nhựa 20 lít, 30 lít.
- Các chai thủy tinh, chai PET đựng nước chấm chay đóng trong hộp/thùng carton theo quy cách như sau:

- 04 chai x 250 ml	- 02 chai x 330ml	- 02 chai x 750ml
- 24 chai x 250 ml	- 24 chai x 330ml	- 15 chai x 750ml
- 04 chai x 310 ml	- 02 chai x 500ml	- 12 chai x 730ml

- 18 chai x 310 ml	- 24 chai x 500ml	- 12 chai x 900ml
- 02 chai x 500ml	- 02 chai x 520 ml	- 04 chai x 5 lít
- 12 chai x 500 ml	- 06 chai x 2 lít	- Can nhựa 20 lít, 30 lít
- 12 chai x 520 ml	- 12 chai x 1 lít	

- Bao bì ngoài chứa đựng nhiều chai thủy tinh, chai PET là thùng giấy carton.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Xuất xứ: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MŨI NÉ.

Địa chỉ: LÔ 47-48 KCB NƯỚC MẮM, P. PHÚ HÀI, TP. PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN,VIỆT NAM

III. Mẫu nhãn sản phẩm

2 cm

2 cm

Chai PET tròn: 220 x 90 mm (dài x cao)

1.5 cm

1.5 cm

Chai PET tròn: 180 x 100 mm (dài x cao)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Công ty sản xuất thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan: theo tiêu chuẩn Việt Nam 5107 : 2018

STT	TÊN CHỈ TIÊU	YÊU CẦU
1	Màu sắc	Nâu vàng.
2	Độ trong	Trong, không vẩn đục.
3	Mùi	Mùi thơm đặc trưng.
4	Vị	Không mặn chát, không có vị lạ.
5	Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường	Không có

1.2. Các chỉ tiêu chất lượng: theo tiêu chuẩn cơ sở

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC CÔNG BỐ
1	Hàm lượng muối NaCl trong khoáng	g/l	180 - 260

1.3. Hàm lượng kim loại nặng: theo QCVN 8-2:2011/BYT

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
1	Hàm lượng Chì	mg/L	≤ 2.0
2	Hàm lượng arsen vô cơ	mg/L	≤ 1.0
3	Hàm lượng cadimi	mg/L	≤ 1.0
4	Hàm lượng thủy ngân	mg/L	≤ 0.05

1.4. Các chỉ tiêu vi sinh : Theo QĐ 46/2007/QĐ-BYT ban hành 19/12/2007

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/mL	$\leq 10^4$
2	Coliforms	CFU/mL	$\leq 10^2$
3	Clostridium perfringens	CFU/mL	≤ 10
4	Echerichia Coli	MPN/mL	0
5	Staphylococcus aureus	CFU/mL	≤ 3
6	Tổng số bào tử nấm men-mốc	CFU/mL	≤ 10
7	Salmonella	PH/25mL	0

1.5 Dư lượng thuốc BVTV: Theo thông tư 50/2016/TT-BYT ban hành ngày 30/12/2016

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
1	Carbendazim	mg/L	≤ 5
2	Clothianidin	mg/L	≤ 0.01
3	Diazinon	mg/L	≤ 0.1
4	Dimethomorph	mg/L	≤ 0.01
5	Disulfoton	mg/L	≤ 0.1
6	Ethephon	mg/L	≤ 2
7	Heptachlor	mg/L	≤ 0.01
8	Metalaxyl	mg/L	≤ 0.1
9	Methidation	mg/L	≤ 0.05
10	Propiconazole	mg/L	≤ 0.02
11	Thiamethoxam	mg/L	≤ 0.01
12	Triadimefon	mg/L	≤ 5
13	Triadimenol	mg/L	≤ 5

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Phan Thiết, ngày 20 tháng 05 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MŨI NÉ

Lê Thị Mỹ

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN
BINH THUAN BRANCH OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
ISO/IEC 17025 - ISO 9001
VILAS 266 VIMCERTS 129
Head Office: 04 Nguyen Hoi Street, Phan Thiet City, Binh Thuan Province Tel: 0252.3822390 Fax: 0252.3822390 Website: tdcbinhthuan.vn

BẢN SAO

Số: 20083636

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/Date: 10/09/2020
Trang/Page: 1

Nơi gửi mẫu/ *Client:* **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MŨI NÉ**

Địa chỉ/ *Address:* **LÔ 47-48 KHU CHẾ BIẾN NƯỚC MẮM, P. PHÚ HÀI, TP. PHAN THIẾT, T. BÌNH THUẬN**

Ngày nhận mẫu/ *Sample receiving date:* **31/08/2020**

Ngày hẹn trả/ *Date of returning result:* **10/09/2020**

Tên mẫu/ *Sample name:* **NƯỚC CHẤM CHAY**

Mô tả mẫu/ *Sample description:* **Mẫu đựng trong chai nhựa** **Số lượng/** *Quantity:* **01**

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Test item*	Đơn vị *Unit*	Kết quả thử nghiệm *Test result*	Phương pháp thử *Test method*
01	Natri clorua (NaCl)	g/L	210,6	TCVN 3701:2009 (*)
02	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	Ref.AOAC 986.15
03	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,05)	Ref.AOAC 986.15
04	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	TCVN 7604:2007
05	Arsen vô cơ	mg/L	KPH (LOD=0,02)	TCVN 12346:2018
06	Clostridium perfringens	CFU/ml	< 1,0	TCVN 4991:2005 (*)
07	Coliform tổng	CFU/ml	< 1,0	TCVN 6848:2007 (*)
08	Định lượng tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/ml	< 1,0	TCVN 8275-1:2010 (*)
09	Escherichia coli	MPN/ml	0	TCVN 6846:2007 (*)
10	Salmonella	PH/25ml	KPH	TCVN 10780-1:2017 (*)
11	Staphylococcus aureus	CFU/ml	< 1,0	TCVN 4830-1:2005 (*)
12	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	$1,2 \times 10^2$	TCVN 4884-2:2015(*)
13	Carbendazim	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.016/2019 (Ref.AOAC 2007.01_LC/MS/MS)
14	Clothianidin	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.016/2019 (Ref.AOAC 2007.01_LC/MS/MS)
15	Diazinon	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.012/2019 (Ref.AOAC 2007.01-LC/MS/MS)
16	Dimethomorph	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.016/2019 (Ref.AOAC 2007.01_LC/MS/MS)

ISO/IEC 17025

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Test item*	Đơn vị *Unit*	Kết quả thử nghiệm *Test result*	Phương pháp thử *Test method*
17	Disulfoton	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.012/2019 (Ref.AOAC 2007.01-LC/MS/MS)
18	Ethephon	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.016/2019 (Ref.AOAC 2007.01_LC/MS/MS)
19	Heptachlor	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.011/2019 (Ref.AOAC 2007.01-GC/ECD)
20	Metalaxyl	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.012/2019 (Ref.AOAC 2007.01-LC/MS/MS)
21	Methidathion	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.012/2019 (Ref.AOAC 2007.01-LC/MS/MS)
22	Propiconazole	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.015/2019 (Ref.AOAC 2007.01_LC/MS/MS)
23	Thiamethoxam	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.016/2019 (Ref.AOAC 2007.01_LC/MS/MS)
24	Triadimenol	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.016/2019 (Ref.AOAC 2007.01_LC/MS/MS)
25	Triadimefon	mg/L	KPH (LOD=0,01)	TĐCBTh.SK.016/2019 (Ref.AOAC 2007.01_LC/MS/MS)
26	Cảm quan		Màu sắc: Nâu vàng. Độ trong: Trong, không vẩn đục. Mùi: Mùi thơm đặc trưng. Vị: Không mặn chát, không có vị lạ. Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường: Không có.	TCVN 3215:1979

ISO/IEC 17025

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số Chứng Thực.....Quyển số.....SCT/BS
Ngày 19 Tháng 05 Năm 2021
CHỦ TỊCH UBND P.BÌNH HƯNG

TRƯỞNG PHÒNG
Head of laboratory

Nguyễn Thành Tín

GIÁM ĐỐC
Director

Ngô Minh Toàn

Ghi chú/Remark:

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/*Test result are valid only for test sample.*
2. Thời gian lưu mẫu 5 ngày (kể từ ngày hẹn trả kết quả)/*Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's promulgation).* Hết thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng/*When sample storing period expire, Technical Center of standards metrology and quality doesn't take responsibility for anything of complain.*
3. Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/*This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality.*
4. Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/*The following sample(s) was/were submitted and identified by client*
5. (*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận/*Items are accredited by VILAS.*
6. (TP): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/*Items are tested by subcontractor*
7. LOD: Giới hạn phát hiện/*Limit of detection. KPH: Không phát hiện/ Not detected.*